

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
52 THÀNH THÁI - Q.10 - TP.HCM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP**

Quý 2 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		302.308.886.094	257.784.142.070
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	96.473.024.161	96.070.052.815
1. Tiền	111		16.973.024.161	12.070.052.815
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.500.000.000	84.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		454.233.000	440.550.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	(969.419.470)	(983.102.470)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.844.728.294	80.636.559.390
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	110.079.377.939	77.068.027.304
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	16.624.597.742	2.563.624.022
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	-	1.609.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7	29.313.834.416	6.252.605.081
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.8	(8.173.081.803)	(6.972.558.059)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	115.861.042
IV. Hàng tồn kho	140		49.379.088.155	71.234.724.512
1. Hàng tồn kho	141	V.9	53.372.901.963	76.709.130.679
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.10	(3.993.813.808)	(5.474.406.167)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.157.812.484	9.402.255.353
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	1.135.262.897	234.404.579
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.220.052.512	5.365.353.699
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.802.497.075	3.802.497.075
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		102.301.655.256	117.551.361.379
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		560.000.000	310.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu về cho vay dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		560.000.000	310.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.198.626.539	23.304.571.856
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	18.818.188.000	18.567.079.890
<i>Nguyên giá</i>	222		31.011.991.822	30.016.978.951
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	223		(12.193.803.822)	(11.449.899.061)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	16.380.438.539	4.737.491.966
<i>Nguyên giá</i>	228		19.049.883.483	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	229		(2.669.444.944)	(643.500.874)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.15	11.916.526.443	25.044.277.077
<i>Nguyên giá</i>	231		13.531.170.316	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (*)</i>	232		(1.614.643.873)	(3.566.596.753)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		21.786.448.456	16.910.718.981
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	21.786.448.456	16.910.718.981
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		31.778.411.222	50.282.088.770
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	2.590.000.000	2.590.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.17	14.640.000.000	25.080.000.000
4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.18	19.828.388.900	28.062.922.348
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.19	(5.279.977.678)	(5.450.833.578)
6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.061.642.596	1.699.704.695
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	1.061.642.596	1.699.704.695
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		404.610.541.350	375.335.503.449



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		148.642.330.959	111.672.987.226
I. Nợ ngắn hạn	310		146.642.330.959	109.672.987.226
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.21	97.982.775.912	76.212.534.363
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312	V.22	34.709.049.181	22.275.096.032
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	1.550.545.093	311.800.247
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	242.567.198	177.569.319
5. Phải trả người lao động	315		61.450.727	501.190.500
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		253.657.170	2.924.577.805
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319			
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.25	11.842.285.678	4.107.510.121
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	3.162.708.839
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	332		-	-
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333			
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334			
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335			
6. Phải trả dài hạn khác	336		-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337		-	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	338			
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339		-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340		-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341		2.000.000.000	2.000.000.000

734
 3 T
 HẢ
 IE
 HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		255.968.210.391	263.662.516.223
I. Vốn chủ sở hữu	410		255.968.210.391	263.662.516.223
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.26	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.26	147.214.109.765	147.214.109.765
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.26	13.055.100.626	20.749.406.458
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.351.546.458	7.826.953.351
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.703.554.168	12.922.453.107
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		404.610.541.350	375.335.503.449

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	88.826.692.786	127.087.679.164	149.045.888.493	179.398.808.041
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		76.579.741	385.164.580	207.787.810	596.494.297
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		88.750.113.045	126.702.514.584	148.838.100.683	178.802.313.744
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	85.364.686.972	120.477.613.886	142.594.684.047	170.092.299.013
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.385.426.073	6.224.900.698	6.243.416.636	8.710.014.731
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.781.518.008	14.525.970.434	3.883.129.183	24.515.964.286
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.771.356.128	3.247.726.372	2.966.056.077	4.716.512.043
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.422.658.115	2.235.951.889	2.595.064.083	3.611.522.500
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.087.379.504	8.807.158.295	13.409.087.993	13.520.187.788
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	4.941.514.139	6.843.831.689	8.424.994.360	10.309.304.488
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.633.305.690)	1.852.154.776	(14.673.592.611)	4.679.974.698
11. Thu nhập khác	31	VI.7	15.060.413.794	395.756.814	21.497.190.586	2.712.790.794
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.094.543.344	154.494.931	1.120.043.807	285.251.627
13. Lợi nhuận khác	40		13.965.870.450	241.261.883	20.377.146.779	2.427.539.167
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.332.564.760	2.093.416.659	5.703.554.168	7.107.513.865
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		110.317.387.973	167.459.392.233
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(117.579.942.980)	(205.741.759.816)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.895.268.074)	(13.955.657.001)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.595.064.083)	(3.708.906.134)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		21.466.739.336	4.918.403.434
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.196.774.180)	(15.200.613.314)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.482.922.008)	(66.229.140.598)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.462.400.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.122.008.005	39.211.726.053
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.159.608.005	39.211.726.053



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		94.932.960.595	144.507.396.086
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(73.162.719.046)	(102.245.924.432)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.043.956.200)	(2.660.484.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		14.726.285.349	39.600.987.404
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		402.971.346	12.583.572.859
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	96.070.052.815	96.932.405.743
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	96.473.024.161	109.515.978.602

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vu Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất -thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2015.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

011
ĐNG
P
TIE
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền phần mềm máy tính

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m² đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải

13. Dự phòng trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt	485.695.954	485.733.068
Tiền gửi ngân hàng	16.487.328.207	11.584.319.747
Các khoản tương đương tiền	79.500.000.000	84.000.000.000
Cộng	96.473.024.161	96.070.052.815

2. Chứng khoán kinh doanh

	<u>30/06/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	16	60.000	16	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Cộng		1.423.652.470		1.423.652.470

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(969.419.470)	(983.102.470)

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tại Văn phòng Công ty	109.468.954.156	76.387.440.033
Tại Chi nhánh Phú Quốc	324.470.612	295.889.780
Tại Chi nhánh Hà Nội	219.283.178	288.930.556
Tại Chi nhánh Cần Thơ	24.640.000	23.078.830
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	42.029.993	72.688.105
Cộng	110.079.377.939	77.068.027.304

5. Trả trước cho người bán

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tại Văn phòng Công ty	16.616.677.742	2.496.994.913
Tại Chi nhánh Phú Quốc	7.920.000	66.629.109
Cộng	16.624.597.742	2.563.624.022

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>30/06/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	-	1.000.000.000
Công ty CP Đầu tư TIE-EXIM	-	609.000.000
	-	1.609.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Các khoản phải thu khác

	30/06/2015	01/01/2015
Bảo hiểm xã hội phải thu	3.036.670	26.615.590
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	2.724.853.836	80.052.361
Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Thế Hệ Mới (NGT-Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Công ty TNHH MTV Du lịch Liên Lục Địa	990.956.787	719.882.831
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	102.357.108	-
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	398.689.119	-
Cty Cổ Phần Vĩnh Tiến	1.861.081.086	1.317.201.398
Tạm ứng	1.135.450.765	514.908.142
Các khoản phải thu khác	18.887.409.045	383.944.759
Cộng	29.313.834.416	6.252.605.081

(*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2015	01/01/2015
<i>Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi của:</i>		
Khoản phải thu Cty CP thể hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Khoản phải thu các khách hàng khác	(4.823.651.802)	(3.623.128.058)
Cộng	(8.173.081.803)	(6.972.558.059)

9. Hàng tồn kho

	30/06/2015	01/01/2015
Hàng mua đang đi trên đường	-	130.830.000
Nguyên liệu, vật liệu	552.887.176	553.300.247
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.947.050	94.947.050
Thành phẩm	709.018.320	1.215.404.043
Hàng hóa	52.016.049.417	74.714.649.339
Cộng	53.372.901.963	76.709.130.679

10. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	30/06/2015	01/01/2015
	(3.993.813.808)	(5.474.406.167)

11. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Đầu kỳ 01/01/2015	Tăng trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Cuối kỳ 30/06/2015
Tại Văn phòng Công ty	195.455.030	1.420.655.092	652.881.745	963.228.377
Tại Chi nhánh Hà Nội	-	7.981.808	-	7.981.808
Tại Chi nhánh Phú Quốc	38.949.549	554.268.434	429.165.271	164.052.712
Cộng	234.404.579	1.982.905.334	1.082.047.016	1.135.262.897

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	20.018.470.793	2.093.734.658	6.831.314.587	1.073.458.913	30.016.978.951
2. Tăng trong kỳ	1.410.812.871	-	-	-	1.410.812.871
<i>Trong đó</i>					
<i>Điều chuyển</i>	<i>1.410.812.871</i>	-	-	-	1.410.812.871
3. Giảm trong kỳ	-	-	415.800.000	-	415.800.000
<i>Trong đó</i>					
<i>Thanh lý</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>415.800.000</i>	<i>-</i>	<i>415.800.000</i>
4. Số cuối kỳ	21.429.283.664	2.093.734.658	6.415.514.587	1.073.458.913	31.011.991.822
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>1.455.527.339</i>	<i>548.147.166</i>	<i>511.186.807</i>	<i>692.420.929</i>	<i>3.207.282.241</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	7.103.184.783	742.800.514	2.802.428.636	801.485.128	11.449.899.061
Tăng trong kỳ	475.873.926	111.422.147	314.109.726	38.103.801	939.509.600
Giảm trong kỳ	-	-	195.604.839	-	195.604.839
Số cuối kỳ	7.579.058.709	854.222.661	2.920.933.523	839.588.929	12.193.803.822
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	12.915.286.010	1.350.934.144	4.028.885.951	271.973.785	18.567.079.890
Số cuối kỳ	13.850.224.955	1.239.511.997	3.494.581.064	233.869.984	18.818.188.000

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	-	-
Điều chuyển từ bất động sản đầu tư	-	13.668.890.643	13.668.890.643
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	18.191.390.643	19.049.883.483
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	643.500.874	-	643.500.874
Tăng trong kỳ	42.924.642	136.688.904	179.613.546
Điều chuyển từ bất động sản đầu tư	-	1.846.330.524	1.846.330.524
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	686.425.516	1.983.019.428	2.669.444.944

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị còn lại	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Số đầu kỳ	214.991.966	4.522.500.000	4.737.491.966
Số cuối kỳ	172.067.324	16.208.371.215	16.380.438.539

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2015	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2015
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ	11.380.225.841	3.016.346.678	-	14.396.572.519
Showroom tại CN Hà Nội	97.016.000	-	97.016.000	-
TT điều hành du lịch và Văn phòng	5.343.454.546	1.956.398.797	-	7.299.853.343
Các công trình khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	16.910.718.981	4.972.745.475	97.016.000	21.786.448.456

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Công trình trên đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	27.200.060.959	1.410.812.871	28.610.873.830
Tăng trong kỳ	-	-	-
<i>Điều chuyển từ TSCĐ hữu hình</i>	-	-	-
Giảm trong kỳ	13.668.890.643	1.410.812.871	15.079.703.514
<i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình</i>	-	1.410.812.871	1.410.812.871
<i>Chuyển sang tài sản cố định vô hình</i>	13.668.890.643	-	13.668.890.643
Số cuối kỳ	13.531.170.316	-	13.531.170.316
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	3.460.974.397	105.622.356	3.566.596.753
Tăng trong kỳ	-	-	0
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	-	-
<i>Chuyển từ tài sản cố định hữu hình</i>	-	-	0
Giảm trong kỳ	1.846.330.524	105.622.356	1.951.952.880
<i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình</i>	-	105.622.356	105.622.356
<i>Chuyển sang tài sản cố định vô hình</i>	1.846.330.524	-	1.846.330.524
Số cuối kỳ	1.614.643.873	-	1.614.643.873
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	23.739.086.562	1.305.190.515	25.044.277.077
Số cuối kỳ	11.916.526.443	-	11.916.526.443

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		2.590.000.000		2.590.000.000
Cộng		2.590.000.000		2.590.000.000

* Theo Giấy chứng nhận số 0312554596 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn 2.590 triệu VND.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		-		10.440.000.000
- Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		14.640.000.000		14.640.000.000
Cộng		14.640.000.000		25.080.000.000

* Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM.

* Theo Giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE với số tiền 14.640.000.000 VND.

18. Đầu tư dài hạn khác

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	30/06/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	-	-	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	38.312	396.936.100	43.312	448.741.100
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	43.642	2.256.742.800	39.675	2.256.742.800
Cộng		19.828.388.900		28.062.922.348

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Văn hóa Tân Bình tăng do trong kỳ nhận cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng 3.967 CP.
- Cổ phiếu NH TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam giảm do trong kỳ bán toàn bộ số Cổ phiếu này.
- Cổ phiếu Cty CP vận chuyển Saigon Tourist giảm do trong kỳ bán 5.000 CP.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2015	01/01/2015
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.279.977.678)	(5.450.833.578)

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2015	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphí SX trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2015
Tại Văn phòng Công ty	924.338.560	-	506.345.707	417.992.853
Tại Chi nhánh Phú Quốc	732.066.155	152.569.864	263.231.872	621.404.147
Tại Chi nhánh Cần Thơ	37.706.707	-	16.207.278	21.499.429
Tại Chi nhánh Hà Nội	5.593.273	-	4.847.106	746.167
Cộng	1.699.704.695	152.569.864	790.631.963	1.061.642.596

21. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2015	01/01/2015
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	55.425.696.714	42.727.685.454
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	42.557.079.198	33.484.848.909
	97.982.775.912	76.212.534.363

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 06 năm 2014.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 111.14.00003/2014/HĐTDHM ngày 20 tháng 03 năm 2014.

22. Phải trả người bán

	30/06/2015	01/01/2015
Tại Văn phòng Công ty	32.918.851.938	20.813.966.032
<i>Cty TNHH Điện Tử Samsung Vina</i>	<i>1.085.295.013</i>	<i>13.425.580.675</i>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>31.833.556.925</i>	<i>7.388.385.357</i>
Tại Chi nhánh Phú Quốc	1.790.197.243	1.458.110.000
Tại Chi nhánh Đà Nẵng	-	3.020.000
Cộng	34.709.049.181	22.275.096.032

23. Người mua trả tiền trước

	30/06/2015	01/01/2015
Tại Văn phòng Công ty	1.335.528.238	188.218.405
Tại Chi nhánh Phú Quốc	171.699.000	109.080.000
Tại Chi nhánh Cần Thơ	229.994	14.271.848
Tại Chi nhánh Hà Nội	43.087.861	229.994
Cộng	1.550.545.093	311.800.247

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ 01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ 30/06/2015
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.932.536	1.254.659	16.187.195	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.929.374	3.095.660.182	3.099.589.556	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	626.876	12.366.419	12.993.295	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.802.497.075)	-	-	(3.802.497.075)
- Thuế thu nhập cá nhân	158.080.533	778.555.780	694.069.115	242.567.198
- Tiền thuê đất, thuê nhà đất	-	1.481.952.500	1.481.952.500	-
- Các loại thuế khác	-	10.500.000	10.500.000	-
Cộng	(3.624.927.756)	5.380.289.540	5.315.291.661	(3.559.929.877)

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2015	01/01/2015
Kinh phí công đoàn	25.456.169	28.666.436
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	-	52.142.892
Chi Cổ Tức Cho Cổ Đông	10.082.108.857	3.900.511.857
Các khoản phải trả khác	1.734.720.652	126.188.936
Cộng	11.842.285.678	4.107.510.121

26. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ (01/01/2015)	95.699.000.000	142.068.984.401	5.145.125.364	20.749.406.458
Lợi nhuận tăng trong kỳ				5.703.554.168
Chia cổ tức năm 2013 (đợt 3)				13.397.860.000
Số dư cuối kỳ (30/06/2015)	95.699.000.000	142.068.984.401	5.145.125.364	13.055.100.626

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	88.826.692.786	127.087.679.164
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	78.590.675.322	118.993.650.611
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	52.205.455	278.720.986
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	4.880.648.776	2.190.862.270
- <i>Doanh thu khác</i>	110.231.882	-
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc</i>	4.524.601.840	3.312.900.446
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội</i>	465.825.419	1.179.118.208
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ</i>	58.018.137	222.684.487
- <i>Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng</i>	144.485.955	909.742.156
Các khoản giảm trừ doanh thu	76.579.741	385.164.580
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	76.579.741	385.164.580
Doanh thu thuần	88.750.113.045	126.702.514.584

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm đã cung cấp	162.418.585	331.574.277
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	76.191.913.831	113.240.957.189
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.754.709.082	1.587.723.605
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	3.665.646.587	3.171.378.219
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	409.962.528	1.040.876.242
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	53.844.996	205.986.909
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	126.191.363	899.117.445
Cộng	85.364.686.972	120.477.613.886

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.321.281.946	1.522.888.890
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.679.067	11.050.344
Lãi đầu tư cổ phiếu	846.275.352	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	12.992.031.200
Lãi chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TIE - Exim	548.600.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	34.237.200	-
Khác	24.444.443	-
Cộng	2.781.518.008	14.525.970.434

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.422.658.115	2.235.951.889
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	23.305.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	499.329.504	30.759.972
Dự phòng và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư	(184.538.900)	979.933.980
Chi phí khác	10.602.409	1.080.531
Cộng	1.771.356.128	3.247.726.372

5. Chi phí bán hàng

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.885.758.354	2.162.801.373
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.312.201	19.765.076
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	274.404.087	104.659.156
Chi phí khấu hao tài sản cố định	251.947.905	256.478.302
Chi phí bảo hành	105.591.242	58.482.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.590.107.280	1.624.213.713
Chi phí bằng tiền khác	3.970.258.435	4.580.758.373
Cộng	8.087.379.504	8.807.158.295

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.438.477.271	1.543.873.092
Chi phí vật liệu quản lý	33.786.798	43.310.785
Chi phí đồ dùng văn phòng	29.986.150	34.806.759
Chi phí khấu hao tài sản cố định	183.366.833	307.041.441
Thuế, phí và lệ phí	711.410.000	355.705.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	588.870.041	535.164.457
Chi phí bằng tiền khác	755.093.302	1.421.860.698
Cộng	4.941.514.139	6.843.831.689

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	2.570.740.445	375.868.340
Tiền hợp tác kinh doanh	12.000.000.000	-
Thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	248.771.890	-
Thu được do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	138.863.636	-
Thu nhập khác	102.037.823	19.888.474
Cộng	15.060.413.794	395.756.814

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	248.771.890	160.273.000
Nộp phạt thuế	624.074.488	-
Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý	220.195.161	-
Chi phí khác	1.501.805	(5.778.069)
Cộng	1.094.543.344	154.494.931

9. Giải trình lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	<u>Chênh lệch</u>	
			<u>Giá trị</u>	<u>Tỷ lệ %</u>
Tổng doanh thu	106.592.044.847	141.624.241.832	(35.032.196.985)	-25%
Tổng chi phí	101.259.480.087	139.530.825.173	(38.271.345.086)	-27%
Lợi nhuận trước thuế	5.332.564.760	2.093.416.659	3.239.148.101	155%
Lợi nhuận sau thuế	5.332.564.760	2.093.416.659	3.239.148.101	155%

Lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2015 tăng so với cùng kỳ năm trước là 3.239 triệu đồng vì:

- Tổng doanh thu giảm 35.032 triệu đồng, trong đó doanh thu bán hàng giảm 37.952 triệu đồng, doanh thu tài chính giảm 11.744 triệu đồng, thu nhập khác tăng 14.664 triệu đồng.

- Tổng chi phí giảm 38.271 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán giảm 35.113 triệu đồng, chi phí tài chính giảm 1.476 triệu đồng, chi phí bán hàng giảm 720 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1.902 triệu đồng, chi phí khác tăng 940 triệu đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt***

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tiền lương	275.370.000	380.844.545
Tiền thù lao	47.000.000	90.000.000
Cộng	322.370.000	470.844.545

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm :

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM	Công ty liên kết
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	Công ty con
Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE	Công ty liên kết
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau :

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	430.209.966	78.950.043
Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	63.538.001	-
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM		
Tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	273.649.079	-
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
Lãi cho vay	24.444.443	

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau :

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn		
Phải thu tiền bán hàng	612.446.000	2.112.446.000
Tiền cho vay	-	1.000.000.000
Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM		
Phải thu tiền thuê đất 376 Điện Biên Phủ	273.649.079	-
Tiền cho vay	-	609.000.000
Cộng nợ phải thu	886.095.079	3.721.446.000

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình vi tính và sản phẩm tập Vĩnh Tiến các loại tại thị trường Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính**Tổng quan**

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán - Tài chính theo chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất và tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác của Công ty không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.473.024.161	-	-	96.473.024.161
Phải thu khách hàng	79.651.599.693	25.464.696.443	4.963.081.803	110.079.377.939
Các khoản phải thu khác	26.305.272.351	-	3.210.000.000	29.515.272.351
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	15.002.644.222	-	6.249.397.148	21.252.041.370
Cộng	217.432.540.427	25.464.696.443	14.422.478.951	257.319.715.821
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.070.052.815	-	-	96.070.052.815
Phải thu khách hàng	39.498.612.422	29.235.654.906	5.123.759.976	73.858.027.304
Các khoản phải thu khác	4.292.505.349	-	3.210.000.000	7.502.505.349
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770	-	6.433.936.048	29.486.574.818
Cộng	162.913.809.356	29.235.654.906	14.767.696.024	206.917.160.286

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc USD của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.417,49	4.219,09
Phải trả người bán	(270.316,40)	(239.480,00)
(Nợ phải trả) thuần có gốc USD	(264.898,91)	(235.260,91)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015, Công ty có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 97.982.775.912 VND (tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 107.294.105.463 VND).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hoá thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 79,5 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông và Ngân hàng Công Thương để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại các Ngân hàng này, Công ty không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản trong đương tiền	96.473.024.161	-	96.070.052.815	-	96.473.024.161	96.070.052.815
Phải thu khách hàng	110.079.377.939	(4.963.081.803)	77.068.027.304	(3.762.558.059)	105.116.296.136	73.305.469.245
Các khoản phải thu khác	29.515.272.351	(3.210.000.000)	7.502.505.349	(3.210.000.000)	26.305.272.351	4.292.505.349
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	21.252.041.370	(6.249.397.148)	29.486.574.818	(6.433.936.048)	15.002.644.222	23.052.638.770
Cộng	257.319.715.821	(14.422.478.951)	210.127.160.286	(13.406.494.107)	242.897.236.870	196.720.666.179

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	97.982.775.912	76.212.534.363	97.982.775.912	76.212.534.363
Phải trả người bán	34.709.049.181	22.275.096.032	34.709.049.181	22.275.096.032
Các khoản phải trả khác	1.988.377.822	3.050.766.741	1.988.377.822	3.050.766.741
Cộng	134.680.202.915	101.538.397.136	134.680.202.915	101.538.397.136

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng Giám đốc



Vũ Quốc Vinh

C.T.C.P
HI